

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM
VIỆT TRUNG**

Số: 762./VTM-VT
V/v Mời báo giá cung cấp thiết bị Trạm Ô
xy- Ni tơ
关于 氧氮站设备供应的邀请报价函

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tăng Long, ngày 21 tháng 10 năm 2025
大龙于2025年10月21日

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

致：有关关注的各家供应商

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM) có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất năm 2025.

越中矿产与冶金有限责任公司（VTM）需要购买 2025 年生产所需的物资。

Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp vật tư tham gia chào giá cung cấp vật tư theo quy cách, số lượng, thời gian cung ứng và các điều kiện cụ thể như sau:

诚邀具备物资供应能力的单位参与报价，根据以下规格、数量、供货时间及具体条件提供物资：

I. Yêu cầu về hàng hóa:

一、货物要求:

1. Thông tin về vật tư cần mua:

1. 需采购物资信息:

- Tên đơn hàng : Vật tư gia công chế tạo
- 订单名称: 加工制造物资
- Số hiệu đơn hàng: 20102025-CA-1
- 订单号: 20102025-CA-1
- Chi tiết đơn hàng: (có danh mục kèm theo)
- 订单详情: (附清单)

2. Nội dung Hồ sơ chào giá (HSCG):

2. 报价资料内容 (HSCG) :

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của Nhà cung cấp (NCC):

a. 供应商 (NCC) 的资格、经验和能力要求:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có
điều kiện (nếu có): Bắt buộc với NCC hợp tác lần đầu.

营业执照/企业注册证书/投资注册证书，以及针对有条件经营商品的经营
许可证（若有）：首次合作的供应商必须提供。



- Bên mời chào giá có thể chấp nhận NCC độc lập hoặc NCC liên danh miễn là đảm bảo các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và các điều kiện mời chào giá của Bên mời chào giá (phải đảm bảo các điều kiện nêu ở ý trên).

报价邀请方可接受独立供应商或合资供应商，必须满足邀请方的能力、经验和投标条件要求。（必须满足上文所述条件）。

b. Các yêu cầu về thương mại: Giá, thuế, phí, địa điểm và thời gian giao hàng, điều kiện thanh toán, điều kiện bảo hành,...

b. 贸易要求: 价格、税费、交货地点和时间、付款条件、保修条件等。

- Đơn giá chào.

报价单价。

- Thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác để đưa hàng về đến địa điểm giao hàng: được phân bổ vào đơn giá của hàng hóa.

税费、规费和其他将货物运至交货地点的费用：计入货物单价中。

- Địa điểm giao hàng: VTM (Khu CN Tăng Loỏng, Xã Tăng Loỏng, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam)

交货地点: VTM (越南老街省大龙社大龙工业区)

- Điều kiện thanh toán: 90 ngày sau khi hoàn tất thủ tục thanh toán

付款条件: 完成付款手续后 90 天。

- Điều kiện bảo hành: hàng hóa bảo hành 12 tháng.

保修条件: 货物保修 12 个月。

- Điều kiện khác: nếu có.

其他条件: 若有。

c. Hàng hóa:

c. 货物:

- NCC có thể chào giá cho toàn bộ hoặc chào giá cho một phần hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

供应商可根据自身实际能力，对全部或部分供货范围内的货物进行报价

- Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

所报货物必须清楚注明制造商、产地和合法来源。

- Phải đảm bảo đúng yêu cầu, mục đích sử dụng và lắp đặt tương thích với dây chuyền sản xuất hiện hữu của VTM.

必须确保正确的要求、用途并安装适用于 VTM 现有的生产线。

d. Phương thức thực hiện: Chào giá cạnh tranh.

d. 实施方式: 竞争性报价。

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá:

二、参与形式和报价时间:

1. Hình thức chào giá:

1. 报价形式:

- Bản chào giá và Biểu giá chào hàng phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

报价函和报价表必须由供应商的法定代表人签字并盖章。如代签，代签人必须持有授权书、任务分配决定或同等文件。

- HSCG được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong, bên ngoài ghi rõ: “HSCG cung cấp thiết bị Trạm Ô xy- Ni tơ” theo thư mời số 762/VTM-VT và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

报价文件 须装入密封信封，并加封口，信封外须注明：“机加制造物资供应报价文件”，根据编号 /VTM-VT 的邀请函，并通过邮寄或直接递交至以下地址：

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

越中矿产与冶金有限责任公司。

Địa chỉ: Khu CN Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

地址：老街省大龙社大龙工业区。

2. Thời gian nhận HSCG:

2. 报价资料接受时间

HSCG phải được gửi đến VTM trước: 8.. giờ 30 phút, ngày 28 tháng 10 năm 2025. VTM sẽ không tiếp nhận và không xem xét đối với các HSCG nộp sau thời điểm quy định tại mục này (ngoại trừ trường hợp đã được gia hạn theo quy định).

供应商的报价必须在2025年10月28日8点30分之前发送到越中矿产与冶金有限责任公司。VTM将不接收及不考虑在本项规定的时间后提交的报价资料（按规定延期的报价除外）。

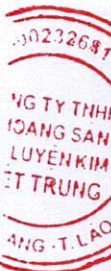
3. Mở HSCG:

- Các HSCG sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại VTM vào hồi 8 giờ 30 ngày 28 tháng 10 năm 2025.

所有报价文件将于 2025 年 10 月 28 日 8 点 30 在 VTM 公开同步开启。

- Bên mời chào giá mời các NCC đã nộp HSCG chứng kiến và xác nhận việc mở các HSCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các NCC này.

邀请报价方邀请已递交报价文件的供应商见证和确认开标，但无论这些供应商是否出席，开标仍将在邀请报价函规定的时间进行。



- Các thông tin về nội dung chủ yếu của HSCG của các NCC bao gồm tối thiểu các nội dung: tên NCC, giá chào, thời gian có hiệu lực của HSCG,... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn NCC.

将对供应商报价文件主要内容信息进行汇总，包括但不限于：供应商名称、报价、报价文件有效期等，并形成一份共同纪要，作为评估和选择供应商的依据。

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác!

衷心感谢您的合作!

Nơi nhận:

报送:

- Như trên;
- 同上;
- Ban ĐH 领导班子;
- Đăng trên website Công ty 上传至公司网站;
- Lưu: VT, PVT.
- 存档: 文秘, 物资处。

TUQ. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ

负责副总经理授权

物资处处长



Nông Văn Quân

农文军



DANH MỤC VẬT TƯ

物资清单

(Kèm theo thư mời báo giá cung cấp vật tư số 762/VTM-VT按照第...../VTM-VT号文件关于提供材料邀请函的附件)

TT序	Tên, chủng loại vật tư 物资名称、种类	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm 技术参数及规格	Đối tượng sử dụng 用途	ĐVT 计算单位	Số lượng đề nghị 申请数量
1	Bộ trao đổi nhiệt cấp 1 一级换热器	Mã sản phẩm 产品型号: DD28D.6100 Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-85/30 与压缩机片配套	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	1
2	Bộ trao đổi nhiệt cấp 2 二级换热器	Mã sản phẩm 产品型号: DD28D.6200 Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-85/30 与压缩机配套	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	1
3	Bộ trao đổi nhiệt cấp 3 三级换热器	Mã sản phẩm 产品编号: DD28D.6300 Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-85/30 与压缩机配套, 型号: ZW-85/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	1
4	Bạc, vòng chặn dầu 轴瓦、油封	Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-85/30 与压缩机配套, 型号: ZW-85/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Bộ 套	1
5	Bóc xilanh cấp 2, 3 (thân xilanh) 二、三级缸筒	Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-85/30 与压缩机配套, 型号: ZW-85/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	2
6	Bơm dầu chính 主油泵	Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-85/30 与压缩机配套, 型号: ZW-85/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	1
7	Bộ trao đổi nhiệt cấp 1 一级换热器	Mã sản phẩm 产品编号: DY11.6100 Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-69/30 与压缩机配套, 型号: ZW-69/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	2
8	Bộ trao đổi nhiệt cấp 2 二级换热器	Mã sản phẩm 产品编号: DY11.6200 Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-69/30 与压缩机配套, 型号: ZW-69/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	2

9	Bộ trao đổi nhiệt cấp 3 三级换热器	Mã sản phẩm 产品编号: DY11.6300 Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-69/30 与压缩机配套, 型号: ZW-69/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	2
10	Bơm dầu phụ 副油泵	Đồng bộ với máy nén Mã hiệu: ZW-69/30 与压缩机配套, 型号: ZW-69/30	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	2
11	Bộ chuyển đổi thông minh 智能式变送器	Mã hiệu 型号: EJA110A 选项: - EMS4A-92NA Chế độ 模式: S1 Nguồn điện 电源: 10.5 - 42VDC Đầu ra 输出: 4 - 20mA DC Áp lực làm việc lớn nhất 最大工作压力: 16MPa Phạm vi 出厂量程: 0 TO 40 kPa YOKOGAWA	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Cái 个	4
12	Bộ chuyển đổi thông minh 智能式变送器	Mã hiệu 型号: EJA110A 选项: - EMS4A-92NA Chế độ 模式: S1 Nguồn điện 电源: 10.5 - 42VDC Đầu ra 输出: 4 - 20mA DC Áp lực làm việc lớn nhất 最大工作压力: 16MPa Phạm vi 出厂量程: 0 TO 10 kPa YOKOGAWA	Trạm sản xuất oxy 氧气站	Bộ 套	4